

## **CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG VỀ XÂY DỰNG NỀN KINH TẾ KHÁNG CHIẾN (1947 - 1954)**

**PGS, TS ĐINH TRẦN DƯƠNG\***

*Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vừa ra đời đã gặp phải muôn vàn khó khăn về mọi mặt. Thực dân Pháp trắng trợn mở rộng chiến tranh xâm lược trên qui mô toàn quốc đã đặt công cuộc xây dựng nền kinh tế mới của đất nước trước những thử thách hết sức nặng nề.*

*Trước tình hình đó, trong xây dựng và tổ chức thực hiện đường lối kháng chiến, Đảng ta đã tập trung lãnh đạo xây dựng và từng bước hoàn thiện đường lối kinh tế kháng chiến, nhằm bảo đảm nguồn vật chất cho cuộc kháng chiến mau chóng đi tới thắng lợi.*

**N**gay sau khi kháng chiến toàn quốc bùng nổ, Hội nghị cán bộ Trung ương lần thứ hai (3 — 6-4-1947) đã xác định rõ những vấn đề cơ bản của cuộc kháng chiến trên mặt trận kinh tế:

*Chương trình kinh tế kháng chiến gồm hai mặt: Mặt thứ nhất là tẩy chay và phá hoại kinh tế địch: “Làm cho địch không kinh doanh, bóc lột gì được, không thực hiện được chính sách “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh”. Mặt thứ hai là “xây dựng kinh tế của ta, vừa kháng chiến vừa kiến quốc, và lập nền kinh tế tự túc”.*

Kinh tế trong lúc kháng chiến phải thích hợp với điều kiện chiến tranh. Chỉ sản xuất những thứ cần cho mặt trận và đời sống nhân dân. Sản xuất ấy phải do Chính phủ điều khiển. Về các ngành kinh tế chú trọng nhất là nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương mại rồi mới đến kỹ nghệ (chú ý kỹ nghệ chế võ khí và khai thác). Thi hành đúng việc kiểm soát ngoại thương. Nghĩa là không để cho tư nhân độc quyền tích trữ và bóc lột, nhưng vẫn làm cho họ bỏ vốn ra kinh doanh, tham gia việc sản xuất và tiếp tế mà mưu lợi cho mình và cho nước. Đồng thời thành lập bộ phận kinh tế nhà nước và kinh tế có tính chất hợp tác xã của các tư nhân chung vốn, chung sức cùng làm.

\* Đại học Quốc gia Hà Nội

Trong nước có ba hình thức kinh tế chính: *kinh tế cá nhân, kinh tế hợp tác xã và kinh tế nhà nước*. Hình thức thứ hai đặc biệt trọng yếu, nó làm môi giới giữa hai hình thức kia và dễ dàng việc phân phối và tiêu thụ hợp lý các nguyên liệu, các thứ hàng hóa.

*Chính sách kinh tế* chủ yếu tập trung vào việc: “tăng gia sản xuất, rút bớt chi tiêu (hai việc này làm phải có kế hoạch) giảm nhẹ sự đóng góp cho dân (đặt chế độ thuế mới trong thời kỳ kháng chiến), phát triển sản xuất hợp tác, kêu gọi các nhà giàu bỏ vốn, thi hành việc thưởng phạt (đặt giải thưởng, nêu gương anh hùng lao động, ca ngợi những hàng tâm, hàng sản, trị bọn những lạm gian tham), thống nhất kinh tế tài chính; giữ vững giá đồng bạc Việt Nam”.

Căn cứ chính sách chung đã nêu ở trên, Đảng đã đưa ra một số giải pháp trước mắt nhằm tập trung giải quyết hai vấn đề kinh tế và tài chính.

Giải pháp về kinh tế: *Nha Nông nghiệp tín dụng* cho nông dân vay tiền để sản xuất, tổ chức việc tiếp tế gạo, muối cho các vùng thiếu để đề phòng nạn đói; “cô động tư nhân tham gia việc này và huy động lực lượng của Tổng liên đoàn và các tổ chức thanh niên, nông dân giúp việc chuyên chở; kiểm soát ngoại thương một cách hợp lý và vừa phải để các nhà buôn khỏi oán.

*Việc tổ chức các trại sản xuất* phải thích hợp với tình thế chiến tranh. Đoàn thể dành một số cán bộ cho phụ trách công việc kinh tế. “Nếu có những đồng chí có năng lực về kinh tế mà hiện nay đang mắc (bận) trong các công

tác chính trị hay quân sự thì phải rút ra. Các cấp đảng bộ và các đảng đoàn trong cơ quan phải giới thiệu cho Trung ương những cán bộ có năng lực về kinh tế đó”.

*Về giải pháp cho công tác tài chính*: “Xen nhặt trong sự chi tiêu, kiểm soát chi tiêu các địa phương để dự trữ và phân phối tài chính” để đề phòng giao thông bị nghẽn. Trữ tiền Đông Dương để dùng trong các hoạt động ngoại thương, chi tiêu trong vùng bị chiếm đóng. Tổ chức đổi tiền Việt Nam lấy tiền Đông Dương (hiện còn trong tay các tư gia) để tập trung số tiền Đông Dương mua những thứ cần dùng cho Quân đội.

Phải cô động cho nhân dân tin dùng tiền Việt Nam, nhất là những tỉnh địch chiếm đóng, để giữ vững giá bạc Việt Nam, trừng trị những kẻ đầu cơ, buôn bán tiền tệ.

Các tỉnh “phải kê khai ngay những số tiền do *Bộ Tài chính* gửi và nếu nơi nào đã vay vào những số tiền ấy để tiêu về kháng chiến vì chậm nhận được tiền của thượng cấp thì phải cấp tốc báo cáo các khoản chi tiêu cho Bộ Tài chính biết”<sup>1</sup>.

Để phục vụ kịp thời công tác hậu cần, *việc tăng gia sản xuất cũng được tổ chức trong quân đội*. Để công tác này có kết quả, Nghị quyết Hội nghị Quân sự toàn quốc lần thứ ba (12—15-6-1947) đã yêu cầu các khu phải làm cho bộ đội hiểu rằng “tăng gia sản xuất là một nhiệm vụ quan trọng”, phải “gây phong trào ganh đua tăng gia sản xuất trong quân đội” và “đặt giải thưởng cho những bộ đội kiêu mẫu, những đội viên anh hùng về sản xuất”. Một trong những nhiệm vụ cần kíp của quân đội là tham gia giải

quyết những vấn đề kinh tế, tích cực thực hiện khẩu hiệu “*tự cấp tự túc*”, là cải thiện và phát triển việc vận tải và chuyên chở thích hợp với hoàn cảnh kháng chiến, đó là một phương kế kích thích việc tăng gia sản xuất một cách thực tế.

*Nghị quyết Hội nghị Cán bộ Trung ương lần thứ IV (miền Bắc Đông Dương ngày 20-5-1948)* đã chỉ đạo *vấn đề cải thiện dân sinh*. Đối với nông dân, Đảng đã lãnh đạo tổ chức giải quyết những vấn đề cụ thể như thi hành giảm tô 25% theo đúng sắc lệnh của Chính phủ, bỏ các thứ địa tô phụ, bỏ chế độ quá điền; sử dụng và kiểm tra việc sử dụng nhân công phục vụ kháng chiến; vấn đề chia và ưu tiên chia công điền, công thổ cho dân và các đối tượng chính sách; vấn đề ruộng đất và tài sản của thực dân Pháp và Việt gian; vấn đề bảo vệ mùa màng. Đối với công nhân và công chức, thi hành luật lao động: “Định giờ làm việc, định lương thích hợp với giá sinh hoạt. Định ngạch rõ ràng cho các công chức chưa vào ngạch nào. Định chế độ phụ cấp độc hại, thuốc thang khi ốm; Bảo hiểm tai nạn, bỏ chế độ cài hỏi thắt; Tổ chức tiếp tế cho công nhân các nơi tập trung đông về ăn và mặc; Tìm việc cho công nhân thất nghiệp và giúp cho công nhân hiện làm việc khác trở về với nghề cũ; Giúp cho công nhân sinh hoạt chính trị.

Tháng 2-1951, Đại hội II quyết định Đảng ra hoạt động công khai và đưa vấn đề *Phát triển kinh tế* vào *Chính cương của Đảng Lao động Việt Nam*, trong đó chỉ rõ chính sách kinh tế lúc bấy giờ là: “Tăng gia sản xuất để cung cấp cho nhu cầu kháng chiến và cải thiện dân sinh. Làm cho Chính phủ và tư nhân đều

có lợi, lao động và tư bản đều có lợi”: “Chú trọng mở mang nông nghiệp, đồng thời phát triển công nghệ và thủ công nghiệp, phát triển nội thương và đặt quan hệ mậu dịch với các nước bạn. Gây cơ sở kinh tế Nhà nước, phát triển kinh tế hợp tác xã. Đối với tư sản dân tộc, khuyến khích, giúp đỡ và hướng dẫn họ kinh doanh”. “Về tài chính, tăng thu bằng cách tăng gia sản xuất, giảm chi bằng cách tiết kiệm; thực hiện chế độ đóng góp dân chủ”. “*Đối với kinh tế địch*, phá hoại và bao vây một cách có kế hoạch, cốt có lợi cho kháng chiến, lợi cho nhân dân; tịch thu tài sản của bọn đế quốc xâm lược và bọn Việt gian, giao cho chính quyền nhân dân xử lý”.

*Cùng với chính sách ruộng đất*, chủ yếu là giảm tô, giảm tức, *Chính cương Đảng Lao động Việt Nam* nhấn mạnh phải thi hành triệt để những cải cách để nâng cao đời sống cho nông dân, phát động số đông nhân dân là nông dân hăng hái tham gia kháng chiến, tăng gia sản xuất và bảo đảm cung cấp”. Đó là những: Quy định chế độ lĩnh canh; tạm cấp ruộng đất của thực dân Pháp và Việt gian cho dân cày nghèo và gia đình thương binh, tử sĩ”; chia lại công điền; sử dụng hợp lý ruộng vắng chủ và ruộng bỏ hoang. *Về phương châm*, muốn thi hành triệt để những cải cách đó phải tổ chức giác ngộ quần chúng nông dân đông đảo và Đảng phải lãnh đạo chặt chẽ phong trào nông dân. Chính sách ruộng đất vừa mang ý nghĩa kinh tế vừa mang ý nghĩa chính trị sâu sắc, do đó vừa thi hành “từng bước một và nhích dần lên”, “Chuẩn bị điều kiện để tiến tới thực hiện dần dần người cày có ruộng”.

Đảng và Chính phủ đã đề ra nhiều chính sách, biện pháp để phát triển nông nghiệp. Tháng 7-1949, Chính phủ ra sắc lệnh triệt để giảm tô 25%, xoá bỏ địa tô phụ, xoá bỏ chế độ quá điền, lập Hội đồng giảm tô ở cấp tỉnh. Tháng 5-1950, ra sắc lệnh mới quy định trung thu tất cả ruộng đất bỏ hoang tạm cấp cho nông dân nghèo, tạm giao cho nông dân ruộng đất của địa chủ chạy vào vùng tạm chiếm.

Cùng với việc giải quyết vấn đề ruộng đất, Nhà nước đã *hướng nông dân từng bước đi dần vào con đường làm ăn tập thể*. Năm 1947, Bộ Canh nông vận động phong trào tổ chức hợp tác xã nông nghiệp nhưng phải đến năm 1949 mới có chính sách về vấn đề này. Các địa phương đã linh hoạt đi từ các *tổ đôi công, hợp công* tiến lên xây dựng *hợp tác xã* (năm 1949: có 27.291 tổ đôi công và 1562 hợp tác xã nông nghiệp). Cùng với việc quản lý đất đai, tổ chức sản xuất, Đảng và Nhà nước đã vận động nông dân cải tiến kỹ thuật.

*Thủ công nghiệp và phát triển công nghiệp quốc phòng* được Đảng ta đặc biệt quan tâm.

Tiểu thủ công nghiệp- những ngành thiết yếu đối với kháng chiến và dân sinh như dệt, làm giấy, ấn loát, xà phòng, chiếu, bát, đồ đan lát, muối, mắm, đường, chế tạo nông cụ, thủy tinh... được phục hồi và phát triển. Chính quyền cách mạng đã cho dân vay vốn, quy định mức thuế hợp lý, phổ biến kinh nghiệm, khuyến khích nhân dân lập xưởng sản xuất sản phẩm phục vụ tiêu dùng. Các doanh nghiệp do ta tổ chức đã có tác dụng to lớn trong việc đáp ứng nhu cầu của bộ đội và nhân dân, nâng cao sức mạnh chiến đấu.

Với một số máy móc và nguyên liệu di chuyển ra vùng tự do. Nhà nước đã tổ chức một số xí nghiệp quốc doanh dân dụng như khai thác than (Thái Nguyên, Tuyên Quang), khoáng sản (Tĩnh Túc), cơ khí (Trần Hưng Đạo), hoá chất, giấy (Hoàng Văn Thụ), dệt, diêm, thuốc lá, xà phòng.

Công nghiệp quốc phòng được phát triển mạnh, không những Trung ương mà các khu, tỉnh thậm chí cả huyện cũng có xưởng sản xuất vũ khí.

Việc hình thành nhiều xí nghiệp quốc phòng đầu tiên chính là một đặc điểm quan trọng của quá trình hình thành và phát triển công nghiệp Việt Nam, đã tổ chức được việc tiếp tế vận tải, mở rộng giao lưu hàng hoá, đấu tranh kinh tế với địch.

Tháng 10-1948, để hạn chế sự phá hoại kinh tế của địch, Chính phủ cho thành lập Ban bao vây kinh tế địch ở Trung ương và địa phương làm nhiệm vụ tăng cường bao vây kinh tế địch và thực hiện những thể lệ về việc đi lại và trao đổi hàng hoá giữa vùng tự do và vùng tạm chiếm. Ở giai đoạn này Chính phủ chuyển từ chủ trương triệt để bao vây sang chủ trương vừa bao vây vừa lợi dụng kinh tế địch. Bộ Kinh tế đã ra thông tư quy định các mặt hàng được trao đổi giữa hai vùng. Các phòng tiếp liệu được thành lập ở những vùng tiếp giáp nơi bị địch chiếm để mua những thứ ngoại hoá cần thiết, đồng thời đề hướng dẫn thương nhân kinh doanh<sup>12</sup>.

Việc tổ chức Nha tiếp tế (1946) sau đổi thành Cục tiếp tế vận tải (1948) thuộc Bộ Kinh tế, lập các hợp tác xã mua bán ở các tỉnh

đã góp phần cùng thương nghiệp tư nhân lưu chuyển hàng hoá trong vùng tự do.

Do tình hình chiến sự nên nền tài chính tiền tệ của nước nhà cũng được tổ chức thích hợp. Đó là chế độ tài chính phân tán. Mỗi địa phương phải tự cung tự cấp về mọi mặt, tự lo liệu lấy các khoản chi tiêu bằng cách dựa vào nhân dân địa phương, động viên nhân dân ủng hộ kháng chiến. Chính phủ chỉ trợ cấp một phần.

Mặc dù Chính phủ đã phát hành tiền Việt Nam trong toàn quốc, nhưng vì chiến sự luôn diễn ra, địch lại tìm cách phá rối tiền tệ của ta, nên Chính phủ cho hình thành các khu vực tiền tệ riêng biệt. Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ lưu hành giấy bạc tài chính do Trung ương phát hành. Các tỉnh Liên khu 5, lúc đầu lưu hành tiền tài chính của Trung ương, sau cho lưu hành tín phiếu do Liên khu 5 phát hành. Năm 1947, Chính phủ cho phép Nam Bộ phát hành giấy bạc riêng.

Cuối năm 1950, cuộc kháng chiến của nhân dân ta bước sang giai đoạn mới, nhu cầu về dân sinh ngày càng lớn. Để giải quyết những khó khăn của nền kinh tế, tài chính (như thu không đủ chi, phần lớn ngân sách là do phát hành tiền, tiền bị mất giá, giá cả tăng nhanh), Đại hội II (2-1951), tiếp đó là Hội nghị lần thứ 2 BCH Trung ương (27-9 đến 5-10-1951)<sup>3</sup> đã đưa ra nhiều quyết sách chỉ đạo các cơ quan ngân hàng, tài chính, mậu dịch phải phối hợp chặt chẽ nhằm đảm bảo thực hiện thống nhất thu chi và cân bằng thu chi. Tháng 4-1952, Bộ Chính trị ra Nghị quyết về công tác tài chính, ngân hàng, mậu dịch quan trọng và cấp bách.

Từ Hội nghị Trung ương lần thứ hai (Khóa II), Đảng và Chính phủ tập trung giải quyết những vấn đề kinh tế, tài chính cụ thể từ Liên khu 4 trở ra và Thành lập Ban kinh tế tài chính Nam Bộ (1952)

Về kinh tế tài chính, Chính phủ đã chỉ đạo tiến hành ba công tác cấp bách: tài chính, ngân hàng và mậu dịch.

Công tác tài chính được thực hiện theo phương châm: *tăng thu, giảm chi, thống nhất quản lý thu chi*. Để tránh tình trạng địa phương đặt ra nhiều khoản đóng góp vụn vặt và trùng với thuế của Trung ương, Chính phủ đề ra 7 loại thuế và quy định các khoản thu tập trung, trong đó thuế nông nghiệp là quan trọng nhất.

Ngày 6-5-1951, Ngân hàng Quốc gia Việt Nam được thành lập, làm nhiệm vụ quản lý việc phát hành giấy bạc, tổ chức lưu thông tiền tệ, huy động vốn và cho vay phục vụ sản xuất, lưu thông hàng hoá, quản lý ngoại hối và các khoản giao dịch bằng ngoại hối.

Ngày 14-5-1951, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 22/SL đổi tên Bộ Kinh tế thành Bộ Công thương. Chính phủ ban hành Sắc lệnh số 22/SL thành lập Sở mậu dịch thuộc Bộ Công thương thay cho Cục tiếp tế vận tải và Cục ngoại thương. Đó là cơ quan của Nhà nước làm nhiệm vụ "điều hoà thị trường, ổn định giá cả, giúp đỡ sản xuất, giúp đỡ hợp tác xã phát triển, tổ chức đấu tranh mậu dịch với địch, cung cấp cho nhu cầu quân đội, cơ quan, hướng dẫn đoàn kết thương nhân phục vụ kháng chiến, phục vụ dân sinh".

Trong năm 1952, Trung ương Đảng và Chính phủ còn chỉ đạo nhiều hoạt động khác

như: chỉ đạo hai tỉnh Tuyên Quang và Thái Nguyên phát triển công thương nghiệp (7-1952), Thủ tướng Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ban hành điều lệ tạm thời về việc thưởng năng suất cho công nhân trong các xí nghiệp (25-9-1952), Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 128/SL ngày 4-11-1952 về việc thành lập các ủy ban quản lý các xí nghiệp quốc gia<sup>4</sup>.

Năm 1952, Chính phủ đã ký Hiệp định thương mại đầu tiên với Trung Quốc và năm 1953 ký Nghị định về mậu dịch tiểu ngạch.

Ngày 17-3-1952, Quốc hội, Chính phủ, Ủy ban Liên Việt toàn quốc phát động phong trào sản xuất, tiết kiệm và phát động đợt thi đua sản xuất, lập công. Sau lời huấn thị của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Thủ tướng Phạm Văn Đồng báo cáo về kế hoạch sản xuất và tiết kiệm của Chính phủ nhằm thực hiện nhiệm vụ: Phát triển kinh tế quốc dân, cải thiện đời sống nhân dân, đảm bảo cung cấp cho tiền tuyến, tăng sức đấu tranh kinh tế với địch.

Nói về ý nghĩa trọng đại của phong trào, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Thực hiện kế hoạch sản xuất và tiết kiệm là bồi dưỡng và tích trữ lực lượng dồi dào để kháng chiến lâu dài, để chuẩn bị đầy đủ chuyển sang Tổng phản công, để đưa kháng chiến đến hoàn toàn thắng lợi. Cho nên, ở vùng tự do, thực hiện sản xuất và tiết kiệm là công tác trung tâm của nhân dân, của Chính phủ và của đoàn thể. Ở vùng du kích và căn cứ du kích, đó là một công tác rất quan trọng”<sup>5</sup>.

Phong trào sản xuất và tiết kiệm được nhân dân hưởng ứng rộng rãi. Cán bộ các cơ quan,

xí nghiệp, học sinh và quân đội cùng tích cực tham gia sản xuất lương thực và thực phẩm. Nhờ vậy, đến cuối năm 1953, trong vùng tự do và vùng căn cứ du kích ở các tỉnh từ Liên khu IV trở ra đã sản xuất được 2.757.000 tấn lúa và 650.800 tấn hoa màu.

Tháng 10-1952, nhằm mục đích giảm nhẹ sự đóng góp của đồng bào vùng sau lưng địch và đồng bào miền núi, Hội đồng Chính phủ họp quyết định sửa đổi một số điều trong điều lệ về thuế nông nghiệp.

Từ ngày 25 đến 30 - 1- 1953, Hội nghị BCH TƯ Đảng Lao động Việt Nam Khóa II đã kiểm điểm việc thi hành chính sách ruộng đất trong mấy năm kháng chiến và đề ra 5 công tác chính trong năm 1953 là phát động quần chúng triệt để giảm tô, thực hiện giảm tức, đẩy mạnh công tác chinh quân, tăng cường công tác kinh tế tài chính, công tác vùng sau lưng địch, chú trọng công tác chinh huấn cán bộ trong và ngoài Đảng. Trong 5 công tác trên, công tác trọng tâm là phát động quần chúng triệt để giảm tô, thực hiện giảm tức. Hội nghị thông qua bản Dự thảo cương lĩnh của Đảng Lao động Việt Nam về chính sách ruộng đất.

Tháng 3-1953, Đảng và Chính phủ quyết định phát động quần chúng triệt để giảm tô, giảm tức và thoái tô. Ngày 15-4-1953, đợt thi điểm đầu tiên của phong trào phát động quần chúng được triển khai tại 22 xã thuộc Liên khu Việt Bắc và Liên khu 4. Qua 7 đợt thực hiện ở 1532 xã, thu được 24.490 tấn thóc; ý thức giai cấp của nông dân được nâng lên rõ rệt.

*(Xem tiếp trang 43)*

3. Theo sách *Nguyễn Ái Quốc tại Pari 1917-1923* của Thu Trang, Nxb Thông tin lý luận, Hà Nội, 1989 có đưa ra một báo cáo tổng quát về sự kiểm tra số lính khổ đò và thợ người Đông Dương tại Pháp, ký tên Guesde, đã viết: “Vào tháng 11 năm 1917, khi tôi nhận chức Giám đốc Tổng thanh tra toàn Đông Dương thì có 45.000 người, và số thợ cũng tương đương, tổng số gần 90.000 người. Con số này không chênh lệch gì mấy, so với lúc ký hiệp ước đình chiến vào tháng 11 năm 1918”

4. Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài: *Kiểm bào và quê hương*, Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2006, viết: “Là người yêu nước nhiệt tình, anh đến Pari bắt liên lạc ngay với Hội người An Nam yêu nước và giữ quan hệ tốt với các ông Phan Châu Trinh và Phan Văn Trường”

Sách *Hồ Chí Minh* của William J. Duiker, Hyperion New York 2000, còn viết: “Thành đã tới Pari gặp Phan Châu Trinh. Cha của Thành đã đưa cho Thành thư giới thiệu gửi người bạn cùng đỗ phó bảng trước khi Thành rời Việt Nam”

5. Về thời gian Nguyễn Tất Thành từ nước Anh trở lại nước Pháp có nhiều ý kiến khác nhau, song số đông các nhà nghiên cứu cho rằng Nguyễn Tất Thành trở lại Pháp vào khoảng cuối năm 1917

6. Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài: *Kiểm bào và quê hương*, Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2006

7. Theo Trần Dân Tiên: “Ý kiến đưa ra yêu cầu do ông Nguyễn đề ra nhưng lại do luật sư Phan Văn Trường viết, vì lúc bấy giờ ông Nguyễn chưa viết được tiếng Pháp”. *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, ST, H, 1975, tr.29.

## CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG...

(Tiếp theo trang 8)

Ngày 4-12-1953, Luật cải cách ruộng đất đã được Quốc hội nhất trí thông qua. Qua 7 tháng tiến hành cải cách ruộng đất (2 đợt) ở 270 xã thuộc 2 tỉnh Thái Nguyên và Thanh Hoá đã đem lại 44.500 ha ruộng đất và 10.000 trâu bò cho nông dân.

Cùng với việc tổ chức sản xuất nông nghiệp. Chính phủ chủ trương *xây dựng và củng cố các doanh nghiệp quốc gia* nhằm mục đích xây dựng và phát triển bộ phận kinh tế nhà nước - chủ thể quản lý xã hội, lãnh đạo và giúp đỡ kinh tế hợp tác xã và kinh tế tư nhân phát triển theo phương châm chính sách và kế hoạch kinh tế của Chính phủ, tích lũy vốn và tăng thu cho Nhà nước; chế độ hành chính cung cấp bước đầu được khắc phục.

Với chủ trương đúng đắn và cách chỉ đạo linh hoạt của Đảng và Chính phủ, các hoạt động kinh tế - tài chính đã làm cho nền kinh tế kháng chiến của ta không ngừng phát triển: cân bằng thu chi ngân sách, tiền tệ ổn định, sản xuất phát triển, đời sống nhân dân và quân đội được cải thiện. Tất cả những nỗ lực về kinh tế đã góp phần quan trọng vào sự biến đổi xã hội trên các mặt chính trị, quân sự, văn hoá, ngoại giao đưa tới các thắng lợi từ Việt Bắc “mỏ chôn giặc Pháp” đến Điện Biên Phủ “lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu”.

1. *Văn kiện Quân sự của Đảng* (1945-1950), Nxb QĐND, H, 1976, tr.134-135

2. *Văn kiện Đảng về kháng chiến chống thực dân Pháp*, Tập II (1951-1954), ST, H, 1988, tr.127

3. Nguyễn Trí Dinh (chủ biên): *Lịch sử kinh tế quốc dân*, Nxb Giáo dục, H, 1996, tr.268

4. Viện Sử học: *Việt Nam những sự kiện lịch sử (1945-1975)*, Nxb Giáo dục, H, 2002, tr.117

5. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, CTQG, H, 2000, T.6, tr.440.